

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học Kỳ 1 - Năm Học 2020-2021

Môn thi: **Chuẩn đầu ra tiếng Anh B2 (GENG4002) - 0 TC**  
**Nhóm phân tổ thi: 001 - Nhóm lớp: B2\_VT (D-N-V)**

Ngày thi: **24/10/2020** Giờ thi: **Ca 1 (07g00)** Phòng thi: **A.309**

Địa điểm thi: **97 Võ Văn Tần**Ngày thi: **24/10/2020**Giờ thi: **Ca 1 (07g00)**Phòng thi: **309**

Mẫu in M9205G2\_

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ Và Tên               | Nhóm |
|-----|--------|------------|-------------------------|------|
| 1   | 100101 | 1654030073 | TRẦN QUANG HẠ           | VTB2 |
| 2   | 100102 | 1654030092 | NGUYỄN THÀNH TRỌNG HIẾU | VTB2 |
| 3   | 100103 | 1654030103 | NGUYỄN ĐÌNH HỒNG HUỆ    | VTB2 |
| 4   | 100104 | 1654030170 | TRẦN THỊ HOÀI MY        | VTB2 |
| 5   | 100105 | 1654030288 | NGUYỄN THỊ THANH THẢO   | VTB2 |
| 6   | 100106 | 1654032086 | NGUYỄN ĐẮNG KHOA        | VTB2 |
| 7   | 100107 | 1654032232 | VŨ THỊ ANH TRÚC         | VTB2 |
| 8   | 100108 | 1654040072 | ĐỖ THỊ KIM HẠNH         | VTB2 |
| 9   | 100109 | 1654040104 | NGUYỄN THỊ HIỆP         | VTB2 |
| 10  | 100110 | 1654040472 | PHAN THỊ THANH TRUYỀN   | VTB2 |
| 11  | 100111 | 1654040482 | PHẠM KIM TUYỀN          | VTB2 |
| 12  | 100112 | 1654040507 | NGUYỄN THỊ TƯỜNG VI     | VTB2 |
| 13  | 100113 | 1654060108 | NGUYỄN KHẮC HIỆP        | VTB2 |
| 14  | 100114 | 1654060204 | NGUYỄN THỊ MAI          | VTB2 |
| 15  | 100115 | 1654060205 | NGUYỄN THỊ NGỌC MAI     | VTB2 |
| 16  | 100116 | 1654060214 | NGUYỄN ANH MINH         | VTB2 |
| 17  | 100117 | 1654060230 | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN     | VTB2 |
| 18  | 100118 | 1654060242 | NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC    | VTB2 |
| 19  | 100119 | 1654060250 | ĐÀO TUẤN NHÂN           | VTB2 |
| 20  | 100120 | 1654060251 | TRẦN THỊ CẨM NHÂN       | VTB2 |
| 21  | 100121 | 1654060258 | NGUYỄN THỊ YẾN NHI      | VTB2 |

Ngày 13 tháng 10 năm 2020

**P. Khảo thí**

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học Kỳ 1 - Năm Học 2020-2021

Môn thi: **Chuẩn đầu ra tiếng Anh B2 (GENG4002) - 0 TC**  
**Nhóm phân tổ thi: 002 - Nhóm lớp: B2\_VT (D-N-V)**

Ngày thi: **24/10/2020** Giờ thi: **Ca 1 (07g00)** Phòng thi: **A.310**

Địa điểm thi: **97 Võ Văn Tần**Ngày thi: **24/10/2020**Giờ thi: **Ca 1 (07g00)**Phòng thi: **310**

Mẫu in M9205G2\_

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ Và Tên         |       | Nhóm |
|-----|--------|------------|-------------------|-------|------|
| 1   | 100201 | 1654060282 | TRẦN              | PHI   | VTB2 |
| 2   | 100202 | 1654060350 | BÙI THỊ PHƯƠNG    | THÙY  | VTB2 |
| 3   | 100203 | 1654060355 | LÊ LAN            | THƯ   | VTB2 |
| 4   | 100204 | 1654060356 | NGUYỄN THỊ MINH   | THƯ   | VTB2 |
| 5   | 100205 | 1654060389 | NGUYỄN QUỐC       | TRIỀU | VTB2 |
| 6   | 100206 | 1753010031 | CAO PHƯƠNG        | DUYỀN | VTB2 |
| 7   | 100207 | 1754010015 | ĐẬU NGỌC          | ÁNH   | VTB2 |
| 8   | 100208 | 1754010044 | NGUYỄN PHƯƠNG     | DUNG  | VTB2 |
| 9   | 100209 | 1754010048 | HUỲNH THỊ CẨM     | DUYỀN | VTB2 |
| 10  | 100210 | 1754010060 | NGUYỄN VŨ ANH     | ĐỨC   | VTB2 |
| 11  | 100211 | 1754010061 | H THUẬN           | ÊBAN  | VTB2 |
| 12  | 100212 | 1754010070 | NGUYỄN MỸ         | HẰNG  | VTB2 |
| 13  | 100213 | 1754010090 | TRƯƠNG NGÔ MINH   | HIẾU  | VTB2 |
| 14  | 100214 | 1754010132 | NGUYỄN HƯƠNG HOA  | LAM   | VTB2 |
| 15  | 100215 | 1754010158 | NGUYỄN NGỌC KHÁNH | LY    | VTB2 |
| 16  | 100216 | 1754010202 | ĐỒNG VÕ UYÊN      | NHÃ   | VTB2 |
| 17  | 100217 | 1754010221 | CAM NGỌC PHƯƠNG   | NHƯ   | VTB2 |
| 18  | 100218 | 1754010288 | NGUYỄN NGỌC VY    | THẢO  | VTB2 |
| 19  | 100219 | 1754010300 | TRẦN HOÀNG        | THỊNH | VTB2 |
| 20  | 100220 | 1754010327 | TRẦN THUY THỦY    | TIỀN  | VTB2 |
| 21  | 100221 | 1754010339 | NGUYỄN NGỌC BÍCH  | TRANG | VTB2 |

Ngày 13 tháng 10 năm 2020

**P. Khảo thí**

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học Kỳ 1 - Năm Học 2020-2021

Môn thi: **Chuẩn đầu ra tiếng Anh B2 (GENG4002) - 0 TC**  
**Nhóm phân tổ thi: 003 - Nhóm lớp: B2\_VT (D-N-V)**

Ngày thi: **24/10/2020** Giờ thi: **Ca 1 (07g00)** Phòng thi: **A.311**

Địa điểm thi: **97 Võ Văn Tần**Ngày thi: **24/10/2020**Giờ thi: **Ca 1 (07g00)**Phòng thi: **311**

Mẫu in M9205G2\_

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ Và Tên          |        | Nhóm |
|-----|--------|------------|--------------------|--------|------|
| 1   | 100301 | 1754010361 | TRẦN VĨNH BẢO      | TRẦN   | VTB2 |
| 2   | 100302 | 1754010364 | NGUYỄN CAO THÚY    | TRINH  | VTB2 |
| 3   | 100303 | 1754010372 | NGUYỄN HOÀNG ANH   | TUẤN   | VTB2 |
| 4   | 100304 | 1754010375 | NGUYỄN THỊ THANH   | TUYỀN  | VTB2 |
| 5   | 100305 | 1754012001 | TRẦN THÁI          | AN     | VTB2 |
| 6   | 100306 | 1754012002 | NGUYỄN ĐOAN        | ANH    | VTB2 |
| 7   | 100307 | 1754012053 | PHAN LÊ VY         | NGÂN   | VTB2 |
| 8   | 100308 | 1754012056 | HÀ QUANG           | NGUYỄN | VTB2 |
| 9   | 100309 | 1754012076 | NGUYỄN THỊ BẠCH    | SƯƠNG  | VTB2 |
| 10  | 100310 | 1754012090 | TRẦN MINH          | TIẾN   | VTB2 |
| 11  | 100311 | 1754012101 | LÊ MINH            | TUẤN   | VTB2 |
| 12  | 100312 | 1754012107 | VÕ KHÁNH           | VY     | VTB2 |
| 13  | 100313 | 1754012110 | PHẠM LÊ THANH      | HÀ     | VTB2 |
| 14  | 100314 | 1754020157 | NGUYỄN NGỌC THU    | TRINH  | VTB2 |
| 15  | 100315 | 1754030012 | TRẦN BẢO           | ANH    | VTB2 |
| 16  | 100316 | 1754030022 | TRẦN THỊ THANH     | BÌNH   | VTB2 |
| 17  | 100317 | 1754030038 | NGUYỄN THANH QUANG | DUY    | VTB2 |
| 18  | 100318 | 1754030064 | NGUYỄN HỒNG        | HẢI    | VTB2 |
| 19  | 100319 | 1754030072 | HUỖNH GIA          | HÂN    | VTB2 |
| 20  | 100320 | 1754030089 | NGÔ THỊ THU        | HÒA    | VTB2 |
| 21  | 100321 | 1754030092 | LÊ HUỖNH MINH      | HUÂN   | VTB2 |

Ngày 13 tháng 10 năm 2020

**P. Khảo thí**

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học Kỳ 1 - Năm Học 2020-2021

Môn thi: **Chuẩn đầu ra tiếng Anh B2 (GENG4002) - 0 TC**  
**Nhóm phân tổ thi: 004 - Nhóm lớp: B2\_VT (D-N-V)**

Ngày thi: **24/10/2020** Giờ thi: **Ca 1 (07g00)** Phòng thi: **A.410**

Địa điểm thi: **97 Võ Văn Tần**Ngày thi: **24/10/2020**Giờ thi: **Ca 1 (07g00)**Phòng thi: **410**

Mẫu in M9205G2\_

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ Và Tên                | Nhóm |
|-----|--------|------------|--------------------------|------|
| 1   | 100401 | 1754030101 | TRƯƠNG PHÚ KHA           | VTB2 |
| 2   | 100402 | 1754030104 | NGUYỄN KIM KHÁNH         | VTB2 |
| 3   | 100403 | 1754030105 | NGUYỄN THỊ NGỌC KHÁNH    | VTB2 |
| 4   | 100404 | 1754030113 | LÊ NGUYỄN MAI LINH       | VTB2 |
| 5   | 100405 | 1754030121 | VÕ THỊ NGỌC LINH         | VTB2 |
| 6   | 100406 | 1754030142 | NGUYỄN THỊ KIM NGÂN      | VTB2 |
| 7   | 100407 | 1754030146 | TRẦN THỊ KIM NGÂN        | VTB2 |
| 8   | 100408 | 1754030174 | LÊ HUỖNH YẾN NHI         | VTB2 |
| 9   | 100409 | 1754030211 | MAI HỒNG SANG            | VTB2 |
| 10  | 100410 | 1754030224 | TRẦN THỊ THU THẢO        | VTB2 |
| 11  | 100411 | 1754030225 | VÕ NGỌC NHẬT THẢO        | VTB2 |
| 12  | 100412 | 1754030232 | NGUYỄN DUY THÔNG         | VTB2 |
| 13  | 100413 | 1754030246 | NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN     | VTB2 |
| 14  | 100414 | 1754030262 | HUỖNH THỊ VIỆT TRINH     | VTB2 |
| 15  | 100415 | 1754030280 | NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG TUYỀN | VTB2 |
| 16  | 100416 | 1754030295 | HUỖNH THỊ BÍCH VÂN       | VTB2 |
| 17  | 100417 | 1754030309 | LỮ THỊ THANH VY          | VTB2 |
| 18  | 100418 | 1754030310 | NGUYỄN THẢO VY           | VTB2 |
| 19  | 100419 | 1754030311 | NGUYỄN THỊ THÚY VY       | VTB2 |
| 20  | 100420 | 1754030314 | TRẦN KHÁNH VY            | VTB2 |
| 21  | 100421 | 1754032010 | NGUYỄN THÚY BÌNH         | VTB2 |

Ngày 13 tháng 10 năm 2020

**P. Khảo thí**

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học Kỳ 1 - Năm Học 2020-2021

Môn thi: **Chuẩn đầu ra tiếng Anh B2 (GENG4002) - 0 TC**  
**Nhóm phân tổ thi: 005 - Nhóm lớp: B2\_VT (D-N-V)**

Ngày thi: **24/10/2020** Giờ thi: **Ca 1 (07g00)** Phòng thi: **A.411**

Địa điểm thi: **97 Võ Văn Tần**Ngày thi: **24/10/2020**Giờ thi: **Ca 1 (07g00)**Phòng thi: **411**

Mẫu in M9205G2\_

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ Và Tên               | Nhóm |
|-----|--------|------------|-------------------------|------|
| 1   | 100501 | 1754032015 | LÊ THỊ THÚY DIỄM        | VTB2 |
| 2   | 100502 | 1754032019 | NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG ĐIỀN | VTB2 |
| 3   | 100503 | 1754032021 | NGUYỄN HUỲNH ĐỨC        | VTB2 |
| 4   | 100504 | 1754032027 | NGUYỄN BÁ HẢI           | VTB2 |
| 5   | 100505 | 1754032034 | NGÔ MINH HOÀNG          | VTB2 |
| 6   | 100506 | 1754032041 | LÊ ANH KHOA             | VTB2 |
| 7   | 100507 | 1754032042 | LÊ TRẦN ĐĂNG KHOA       | VTB2 |
| 8   | 100508 | 1754032046 | LÊ HUỲNH HOÀNG KIM      | VTB2 |
| 9   | 100509 | 1754032051 | TRƯƠNG GIA LINH         | VTB2 |
| 10  | 100510 | 1754032054 | TRẦN THỊ KHÁNH LY       | VTB2 |
| 11  | 100511 | 1754032058 | NGUYỄN THANH HÀ MY      | VTB2 |
| 12  | 100512 | 1754032061 | PHAN THỊ THẢO MY        | VTB2 |
| 13  | 100513 | 1754032064 | LÊ NHẬT NAM             | VTB2 |
| 14  | 100514 | 1754032066 | NGUYỄN BẠCH QUỲNH NGA   | VTB2 |
| 15  | 100515 | 1754032068 | LÊ BẢO NGÂN             | VTB2 |
| 16  | 100516 | 1754032077 | NGUYỄN THỊ NHI          | VTB2 |
| 17  | 100517 | 1754032081 | NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG   | VTB2 |
| 18  | 100518 | 1754032085 | PHẠM NGUYỄN THANH NHƯ   | VTB2 |
| 19  | 100519 | 1754032094 | ĐÁI THỊ NHƯ QUỲNH       | VTB2 |
| 20  | 100520 | 1754032095 | LÊ THỊ QUỲNH            | VTB2 |
| 21  | 100521 | 1754032109 | NGUYỄN CẨM THÚY         | VTB2 |

Ngày 13 tháng 10 năm 2020

**P. Khảo thí**

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học Kỳ 1 - Năm Học 2020-2021

Môn thi: **Chuẩn đầu ra tiếng Anh B2 (GENG4002) - 0 TC**  
**Nhóm phân tổ thi: 006 - Nhóm lớp: B2\_VT (D-N-V)**

Ngày thi: **24/10/2020**      Giờ thi: **Ca 3 (13g00)**      Phòng thi: **A.305**

Địa điểm thi: **97 Võ Văn Tần**Ngày thi: **24/10/2020**Giờ thi: **Ca 3 (13g00)**Phòng thi: **305**

Mẫu in M9205G2\_

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ Và Tên               | Nhóm |
|-----|--------|------------|-------------------------|------|
| 1   | 300601 | 1754032110 | NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THÙY | VTB2 |
| 2   | 300602 | 1754032111 | NGUYỄN PHƯƠNG THỦY      | VTB2 |
| 3   | 300603 | 1754032117 | ĐẶNG THỊ CẨM TIỀN       | VTB2 |
| 4   | 300604 | 1754032123 | NGUYỄN VÕ THÙY TRANG    | VTB2 |
| 5   | 300605 | 1754032131 | NGUYỄN NGỌC LAN TRINH   | VTB2 |
| 6   | 300606 | 1754032135 | NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN  | VTB2 |
| 7   | 300607 | 1754032142 | VŨ THỊ CẨM VÂN          | VTB2 |
| 8   | 300608 | 1754032144 | NGUYỄN PHƯỚC VINH       | VTB2 |
| 9   | 300609 | 1754032145 | TRẦN HOÀNG VŨ           | VTB2 |
| 10  | 300610 | 1754032150 | PHẠM LÊ TƯỜNG VY        | VTB2 |
| 11  | 300611 | 1754032151 | TRẦN PHƯƠNG VY          | VTB2 |
| 12  | 300612 | 1754032153 | MAI PHÚC NHƯ Ý          | VTB2 |
| 13  | 300613 | 1754032157 | NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN  | VTB2 |
| 14  | 300614 | 1754032159 | NGUYỄN XUÂN YẾN         | VTB2 |
| 15  | 300615 | 1754040015 | NGUYỄN QUỐC BẢO         | VTB2 |
| 16  | 300616 | 1754040022 | NGUYỄN THÀNH CÔNG       | VTB2 |
| 17  | 300617 | 1754040055 | LÊ ĐỨC HIỀN             | VTB2 |
| 18  | 300618 | 1754040077 | ĐINH QUANG KHẢI         | VTB2 |
| 19  | 300619 | 1754040097 | VÕ THỊ THẢO LY          | VTB2 |
| 20  | 300620 | 1754040112 | NGUYỄN XUÂN NGÀ         | VTB2 |
| 21  | 300621 | 1754040122 | HOÀNG ÁNH NGỌC          | VTB2 |

Ngày 13 tháng 10 năm 2020

**P. Khảo thí**

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học Kỳ 1 - Năm Học 2020-2021

Môn thi: **Chuẩn đầu ra tiếng Anh B2 (GENG4002) - 0 TC**  
**Nhóm phân tổ thi: 007 - Nhóm lớp: B2\_VT (D-N-V)**

Ngày thi: **24/10/2020** Giờ thi: **Ca 3 (13g00)** Phòng thi: **A.310**

Địa điểm thi: **97 Võ Văn Tần**Ngày thi: **24/10/2020**Giờ thi: **Ca 3 (13g00)**Phòng thi: **310**

Mẫu in M9205G2\_

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ Và Tên        |        | Nhóm |
|-----|--------|------------|------------------|--------|------|
| 1   | 300701 | 1754040124 | NGUYỄN LÊ MINH   | NGỌC   | VTB2 |
| 2   | 300702 | 1754040138 | NGUYỄN MINH BẠCH | NHƯ    | VTB2 |
| 3   | 300703 | 1754040177 | TRẦN PHƯƠNG      | THẢO   | VTB2 |
| 4   | 300704 | 1754040192 | PHÙNG THỊ DIỆU   | THƯ    | VTB2 |
| 5   | 300705 | 1754040196 | DƯƠNG THỦY       | TIÊN   | VTB2 |
| 6   | 300706 | 1754040210 | PHẠM THỊ THÙY    | TRANG  | VTB2 |
| 7   | 300707 | 1754040212 | ĐỖ NGỌC          | TRÂM   | VTB2 |
| 8   | 300708 | 1754040237 | NGUYỄN THỊ THU   | VÂN    | VTB2 |
| 9   | 300709 | 1754040238 | LÊ THỊ THÚY      | VI     | VTB2 |
| 10  | 300710 | 1754040245 | LÊ THỊ THẢO      | VY     | VTB2 |
| 11  | 300711 | 1754042002 | KIỀU TUẤN        | ANH    | VTB2 |
| 12  | 300712 | 1754042003 | LÂM NGỌC MINH    | ANH    | VTB2 |
| 13  | 300713 | 1754042006 | LÊ NGỌC          | ÁNH    | VTB2 |
| 14  | 300714 | 1754042008 | NGUYỄN THỊ HỒNG  | CHÂU   | VTB2 |
| 15  | 300715 | 1754042016 | TRẦN THỊ MỸ      | DUYÊN  | VTB2 |
| 16  | 300716 | 1754042017 | NGUYỄN THỊ THÙY  | DƯƠNG  | VTB2 |
| 17  | 300717 | 1754042019 | LÊ TẤN           | ĐẠT    | VTB2 |
| 18  | 300718 | 1754042037 | NGUYỄN NGỌC BẢO  | KHÁNH  | VTB2 |
| 19  | 300719 | 1754042051 | PHẠM THỊ KIM     | NGÂN   | VTB2 |
| 20  | 300720 | 1754042057 | NGUYỄN THỊ ÁNH   | NGUYỆT | VTB2 |
| 21  | 300721 | 1754042059 | NGUYỄN THỊ XUÂN  | NHẠN   | VTB2 |

Ngày 13 tháng 10 năm 2020

**P. Khảo thí**

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học Kỳ 1 - Năm Học 2020-2021

Môn thi: **Chuẩn đầu ra tiếng Anh B2 (GENG4002) - 0 TC**  
**Nhóm phân tổ thi: 008 - Nhóm lớp: B2\_VT (D-N-V)**

Ngày thi: **24/10/2020** Giờ thi: **Ca 3 (13g00)** Phòng thi: **A.311**

Địa điểm thi: **97 Võ Văn Tần**Ngày thi: **24/10/2020**Giờ thi: **Ca 3 (13g00)**Phòng thi: **311**

Mẫu in M9205G2\_

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ Và Tên         |        | Nhóm |
|-----|--------|------------|-------------------|--------|------|
| 1   | 300801 | 1754042060 | MAI THIÊN         | NHÂN   | VTB2 |
| 2   | 300802 | 1754042070 | NGUYỄN THỊ BÍCH   | PHƯƠNG | VTB2 |
| 3   | 300803 | 1754042081 | NGUYỄN HOÀNG      | THẢO   | VTB2 |
| 4   | 300804 | 1754042082 | NGUYỄN PHƯƠNG     | THẢO   | VTB2 |
| 5   | 300805 | 1754042095 | VÕ THỊ ANH        | THÚ    | VTB2 |
| 6   | 300806 | 1754042103 | LÊ NGUYỄN QUỲNH   | TRÂM   | VTB2 |
| 7   | 300807 | 1754042104 | PHẠM QUỲNH        | TRÂN   | VTB2 |
| 8   | 300808 | 1754042106 | PHAN THU          | TRINH  | VTB2 |
| 9   | 300809 | 1754042116 | NG~ TRẦN NGỌC LAN | UYÊN   | VTB2 |
| 10  | 300810 | 1754042126 | LẠI THỊ PHƯƠNG    | YẾN    | VTB2 |
| 11  | 300811 | 1754060116 | NGUYỄN THỊ XUÂN   | MAI    | VTB2 |
| 12  | 300812 | 1754060142 | VŨ THỊ YẾN        | NHI    | VTB2 |
| 13  | 300813 | 1754060177 | LÊ THỊ            | THẢO   | VTB2 |
| 14  | 300814 | 1754060192 | NGUYỄN THỊ MINH   | THÚ    | VTB2 |
| 15  | 300815 | 1754060200 | CAO MINH          | TIẾN   | VTB2 |
| 16  | 300816 | 1754060215 | VÕ HUỖNH          | TRINH  | VTB2 |
| 17  | 300817 | 1754060227 | DƯƠNG THANH       | TÚ     | VTB2 |
| 18  | 300818 | 1754062008 | LÊ THÀNH          | ĐẠT    | VTB2 |
| 19  | 300819 | 1754062011 | NGUYỄN THỊ CẨM    | HÂN    | VTB2 |
| 20  | 300820 | 1754062013 | PHẠM THỊ MỸ       | HIỀN   | VTB2 |
| 21  | 300821 | 1754062016 | PHAN THỊ ÁNH      | HỒNG   | VTB2 |

Ngày 13 tháng 10 năm 2020

**P. Khảo thí**



**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học Kỳ 1 - Năm Học 2020-2021

Môn thi: **Chuẩn đầu ra tiếng Anh B2 (GENG4002) - 0 TC**  
**Nhóm phân tổ thi: 009 - Nhóm lớp: B2\_VT (D-N-V)**

Ngày thi: **24/10/2020**      Giờ thi: **Ca 3 (13g00)**      Phòng thi: **A.409**

Địa điểm thi: **97 Võ Văn Tần**Ngày thi: **24/10/2020**Giờ thi: **Ca 3 (13g00)**Phòng thi: **409**

Mẫu in M9205G2\_

| STT | SBD    | Mã SV      | Họ Và Tên       |        | Nhóm |
|-----|--------|------------|-----------------|--------|------|
| 1   | 300901 | 1754062021 | HOÀNG THỊ THU   | HUYỀN  | VTB2 |
| 2   | 300902 | 1754062026 | TRẦN THỊ NGỌC   | LÀI    | VTB2 |
| 3   | 300903 | 1754062038 | TRẦN TUẤN       | NAM    | VTB2 |
| 4   | 300904 | 1754062040 | TRẦN THỊ HỒNG   | NGÁT   | VTB2 |
| 5   | 300905 | 1754062051 | PHẠM THU        | PHƯƠNG | VTB2 |
| 6   | 300906 | 1754062057 | ĐỖ HIỀN         | THANH  | VTB2 |
| 7   | 300907 | 1754062068 | ĐẶNG TRẦN THỊ   | TỊNH   | VTB2 |
| 8   | 300908 | 1754062072 | PHẠM NGỌC QUẾ   | TRÂN   | VTB2 |
| 9   | 300909 | 1754080057 | HUỲNH THỊ KIM   | NGÂN   | VTB2 |
| 10  | 300910 | 1754100047 | TĂNG KIM PHI    | PHỤNG  | VTB2 |
| 11  | 300911 | 1756022034 | NGÔ ĐỨC         | THIỆN  | VTB2 |
| 12  | 300912 | 1854030209 | NGUYỄN THẢO     | LY     | VTB2 |
| 13  | 300913 | 1854040217 | TRẦN NGỌC QUỲNH | NHƯ    | VTB2 |
| 14  | 300914 | 1854040338 | TRẦN NGỌC BẢO   | TRÂN   | VTB2 |
| 15  | 300915 | 1854060202 | ĐẶNG NHƯ        | QUỲNH  | VTB2 |
| 16  | 300916 | 1854070169 | NGUYỄN ĐỒNG ĐỨC | TRÍ    | VTB2 |

Ngày 13 tháng 10 năm 2020

**P. Khảo thí**